CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 66/QĐ-CĐĐHCN *Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh Năm học 2020 – 2021

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-CĐCT ngày 07/6/2017 của Ban Thường vụ Công Đoàn Công Thương Việt Nam về việc công nhận Ban Chấp hành Công đoàn Cơ sở Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM;

Căn cứ vào Qui chế Tài chính của Công đoàn Cơ sở Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM;

Xét đề nghị của Văn phòng Công đoàn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 17 tổ công đoàn đạt danh hiệu Tổ công đoàn vững mạnh và 228 đoàn viên đạt danh hiệu công đoàn viên xuất sắc năm học 2020 - 2021 (phụ lục kèm theo quyết định)

Điều 2. Tiền thưởng thưởng cho Tổ công đoàn xuất sắc là 417,000 đồng/tổ.

Tiền thưởng công đoàn viên xuất sắc là 208.500 đồng/người.

Tổng số tiền thưởng thưởng là: 54,627,000 (Năm mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi bảy ngàn đồng)

Điều 3. Văn phòng Công đoàn, Ủy viên phụ trách tài chính và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VPCĐ.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

BCH CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP HỒ CHÍ MINH

Phạm Thanh Tùng

Danh Sách Cá Nhân Công Đoàn Viên Xuất Sắc

(Kèm theo quyết định số: 66 QĐ/CĐĐHCN ngày 02 tháng 12 năm 2021)

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
1	Phan Hồng Hải	Ban Giám hiệu	X	208,500	
2	Lê Văn Tán	Ban Giám hiệu	X	208,500	
3	Đàm Sao Mai	Ban Giám hiệu	X	208,500	
4	Nguyễn Xuân Hồng	Ban Giám hiệu	X	208,500	
5	Đỗ Quốc Huy	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
6	Bùi Thị Thu Phương	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
7	Nguyễn Thị Phượng	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
8	Nguyễn Đức Phương	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
9	Phạm Thị Oanh	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
10	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
11	Lý Thanh Bình	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
12	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
13	Lâm Thanh Danh	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
14	Lê Thanh Danh	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
15	Hoàng Văn Vinh	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
16	Ao Hùng Linh	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
17	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
18	Nguyễn Khoa Triều	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
19	Nguyễn Chí Trung	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
20	Nguyễn Trường Giang	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
21	Hồ Thị Bạch Phương	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
22	Diệp Bảo Trí	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
23	Châu Minh Quang	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
24	Nguyễn Quân	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
25	Ngô Thanh Quyền	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
26	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
27	Nguyễn Trung Dũng	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
28	Trần Thanh Thuận	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
29	Đặng Thanh Tâm	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
30	Phạm Công Duy	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
31	Dương Thanh Long	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
32	Châu Minh Thuyên	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
33	Trần Thanh Ngọc	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
34	Lê Long Hồ	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
35	Lưu Tuấn Kiệt	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
36	Trần Thị Kim Phượng	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
37	Nguyễn Chí Hùng	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
38	Nguyễn Văn Sỹ	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
39	Phạm Thị Kim Hoàng	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
40	Lê Thị Thu Hương	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
41	Đào Thị Thu Thủy	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
42	Trần Minh Chính	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
43	Mai Thăng Long	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
44	Nguyễn Ngọc Sơn	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
45	Phan Tuấn Anh	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
46	Nguyễn Thanh Đăng	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
47	Đặng Quang Minh	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
48	Phạm Thị Phương Hồng	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
49	Nguyễn Quang Đạo	Khoa Luật	X	208,500	
50	Lê Văn Thắng	Khoa Luật	X	208,500	
51	Bùi Thị Hải Đăng	Khoa Luật	X	208,500	
52	Lê Thị Kiều Trang	Khoa Luật	X	208,500	
53	Mai Thị Hồng Hà	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
54	Đặng Thị Minh Phượng	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
55	Nguyễn Thị Thúy Quyên	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
56	Hồ Văn Đức	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
57	Vũ Bá Hải	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
58	Lê Thanh Hòa	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
59	Phạm Nhất Chi Mai	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
60	Mai Cẩm Tú	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
61	Lê Quang Bình	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
62	Phạm Thị Cúc	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
63	Nguyễn Ngọc Xuân Hoa	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
64	Đỗ Thị Kim Hiếu	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
65	Lê Thị Cẩm Tú	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
66	Hoàng Thị Sơn	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
67	Đặng Thị Kim Phượng	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
68	Lê Văn Cần	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
69	Hoàng Thị Hải Đường	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
70	Đặng Hoàng Mai	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
71	Ngô Thị Thuỳ Như	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
72	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
73	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
74	Đỗ Xuân Hương	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
75	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
76	Phạm Bá Thảo	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
77	Cao Trung Hậu	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
78	Nguyễn Đức Lộc	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
79	Nguyễn Thu Phương	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
80	Nguyễn Thành Long	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
81	Lưu Xuân Danh	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
82	Lê Nam Hải	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
83	Lê Bảo Hân	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
84	Đặng Trần Ánh Mai	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
85	Nguyễn Ngọc Long	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
86	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
87	Phùng Tiến Dũng	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
133	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
134	Cao Xuân Thắng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
135	Nguyễn Thị Nhật Thắng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
136	Nguyễn Văn Cường	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
137	Nguyễn Hữu Trung	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
138	Đặng Thị Hồng Nhung	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
139	Đỗ Quý Diễm	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
140	Trương Văn Minh	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
141	Lê Thị Tiểu Nhi	Nhà xuất bản	X	208,500	
142	Lưu Thị Thuận	Nhà xuất bản	X	208,500	
143	Trần Thị Huế Chi	Phòng Đào tạo	X	208,500	
144	Nguyễn Thị Liên	Phòng Đào tạo	X	208,500	
145	Trần Thị Huyền	Phòng Đào tạo	X	208,500	
146	Nguyễn Xuân Mãi	Phòng Đào tạo	X	208,500	
147	Dương Tiến Đoàn	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
148	Lê Minh Dũng	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
149	Hoàng Xanh	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
150	Lê Thị Thanh	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
151	Phạm Đông	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
152	Vũ Thị Lan	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
153	Dương Thị Lanh	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
154	Bùi Thị Hòa	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
155	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
156	Nguyễn Huy Phúc	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
157	Đỗ Khoa Thúy Kha	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
158	Nguyễn Đình Mai Thy	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
159	Trần Đức Tiệp	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	X	208,500	
160	Trần Thanh Hải	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	X	208,500	
161	Huỳnh Ngô Kim Hảo	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	X	208,500	
162	Cao Hồng Châu	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	X	208,500	
163	Võ Thanh Sơn	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
164	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
165	Trần Văn Mừng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
166	Vũ Thị Nhung	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
167	Phạm Thanh Tùng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
168	Nguyễn Thị Hà	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
169	Đoàn Trường Tân	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
170	Nguyễn Thị Lụa	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&CGCN	X	208,500	
171	Nguyễn Minh Tú Anh	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&CGCN	X	208,500	
172	Nguyễn Diệu Linh	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&CGCN	X	208,500	
173	Nguyễn Thị Mai Phương	Phòng Quản trị	X	208,500	
174	Lê Văn Tiến	Phòng Quản trị	X	208,500	
175	Nguyễn Ngữ	Phòng Quản trị	X	208,500	
176	Đinh Hồng Nam	Phòng Quản trị	X	208,500	
177	Lê Ngọc Sơn	Phòng Quản lý Sau đại học	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
88	Lương Thị Minh Hương	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
89	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
90	Nguyễn Thị Phương Thảo	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
91	Phạm Nguyễn Anh Thi	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
92	Tô Kiều Trinh	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
93	Lê Công Đoàn	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
94	Bùi Thành Khoa	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
95	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
96	Đặng Trung Kiên	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
97	Võ Thị Thu Thủy	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
98	Đỗ Hà Vinh	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
99	Nguyễn Vỹ Bảo Yến	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
100	Vũ Trọng Hiền	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
101	Trần Triệu Anh Khoa	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
102	Bùi Ngọc Toản	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
103	Phan Thi Như Hồng	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
104	Thái Duy Tùng	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
105	Lê Nguyễn Trà Giang	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
106	Phạm Thị Ngọc Thúy	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
107	Lăng Thị Minh Thảo	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
108	Lê Thị Mỹ Nguyệt	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
109	Nguyễn Băng Trinh	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
110	Dương Thị Ngọc Bích	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
111	Hà Ngọc Tâm	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
112	Nguyễn Tài Yên	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
113	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
114	Nguyễn Mạnh Tuyển	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
115	Nguyễn Thị Như Hương	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
116	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
117	Bùi Thị Lan Phương	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
118	Huỳnh Trung Hiếu	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
119	Lê Nhật Duy	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
120	Đặng Thị Phúc	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
121	Hồ Đắc Quán	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
122	Phạm thị Thùy Trang	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
123	Nguyễn Ngọc Phượng	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
124	Ngô Hữu Dũng	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
125	Giảng Thanh Trọn	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
126	Nguyễn Hữu Tình	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
127	Nguyễn Thành Thái	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
128	Thái Phương Trúc	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	X	208,500	
129	Nguyễn Thị Phương Linh	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	X	208,500	
130	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	X	208,500	
131	Phạm Thị Hồng Phượng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
132	Trần Thị Hồng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
178	Trần Thị Hoàng Hà	Phòng Quản lý Sau đại học	X	208,500	
179	Huỳnh Nguyễn Tường An	Phòng Quản lý Sau đại học	X	208,500	
180	Nguyễn Thị Bích Thủy	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
181	Hoàng Đơ	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
182	Trịnh Đình Trọng	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
183	Lê Thị Cẩm Nhung	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
184	Vũ Thị Hồng Sâm	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
185	Nguyễn Thị Xuân Thảo	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
186	Phạm Thị Quế Minh	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
187	Phạm Thị Thùy Trang	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
188	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
189	Hồ Đặng Thanh Nga	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
190	Phạm Ngân Trang	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
191	Đào Thị Hải	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
192	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
193	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
194	Lê Thị Thanh Hoa	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
195	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
196	Lê Nguyễn Thanh Trúc	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
197	Trần Anh Tú	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
198	Trịnh Văn Giang	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng & thể chất	X	208,500	
199	Mai Thị Tâm	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
200	Phạm Thị Hoàng Dung	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
201	Trần Thị Thanh Loan	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
202	Nguyễn Thị Thanh Lan	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
203	Nguyễn Thị Lý	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
204	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
205	Nguyễn Nhân Sâm	Trung tâm (R&Dtech)	X	208,500	
206	Nguyễn Minh Cường	Trung tâm (R&Dtech)	X	208,500	
207	Nguyễn Thị Châu	Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Sinh viên	X	208,500	
208	Trần Thị Ngọc Diệu	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
209	Nguyễn Phúc Thùy Dương	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
210	Đồng Phú Hảo	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
211	Đặng Thị Bích Hồng	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
212	Ngô Xuân Huy	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
213	Ngô Thị Mến	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
214	Bùi Thị Ngọc Phương	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
215	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
216	Nguyễn Thị Kim Anh	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
217	Nguyễn Đưc Vượng	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
218	Phạm Hồng Hiếu	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
219	Đỗ Viết Phương	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
220	Nguyễn Ngọc Tuấn	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
221	Bùi Hồng Quân	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
222	Phạm Tấn Việt	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
223	Phan Thị Như Mai	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	X	208,500	
224	Võ Bảo Trung	TT. Quản trị hệ thống	X	208,500	
225	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Khối Đoàn thể	X	208,500	
226	Huỳnh Phú Vinh	Khối Đoàn thể	X	208,500	
227	Lê Văn Hoàng	Khối Đoàn thể	X	208,500	
228	Lâm Huỳnh Đình Nguyên	VPCĐ	X	208,500	
Tổng				47,538,000	

(Bốn mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn đồng)

Danh Sách Tập Thể Tổ Công Đoàn Vững Mạnh

(Kèm theo quyết định số: 66 QĐ/CĐĐHCN ngày 2 tháng 12 năm 2021)

TT	Tổ Công Đoàn	Tiền Thưởng	TTCĐ Ký Nhận
1	Công đoàn Khoa Thương mại Du lịch	417,000	
2	Công đoàn Khoa Công nghệ Điện tử	417,000	
3	Công đoàn Khoa May thời trang	417,000	
4	Công đoàn Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	417,000	
5	Công đoàn Phòng Quản lý Ký túc xá	417,000	
6	Công đoàn Phòng Đào Tạo	417,000	
7	Công đoàn Phòng Tổ chức - Hành chính	417,000	
8	Công đoàn Phòng Tài chính - Kế toán	417,000	
9	Công đoàn Phòng Dịch Vụ	417,000	
10	Công đoàn Phòng Công tác sinh viên	417,000	
11	Công đoàn Khoa Kế toán và Kiểm toán	417,000	
12	Công đoàn Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng	417,000	
13	Công đoàn Khoa Công nghệ Thông tin	417,000	
14	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	417,000	
15	Công đoàn Phòng Quản Trị	417,000	
16	Công đoàn Phòng Kế hoạch - Đầu tư	417,000	
17	Công đoàn Phòng Tổng hợp (Phân hiệu QN)	417,000	
Tổng		7,089,000	

(Bảy triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng)